

KẾ HOẠCH
Triển khai truy xuất nguồn gốc nông sản tỉnh Gia Lai

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
- Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 78/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025;
- Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc;
- Công điện số 150/CĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường truy xuất nguồn gốc, đảm bảo chất lượng và uy tín sản phẩm nông, lâm, thủy sản Việt Nam xuất khẩu;
- Quyết định số 5272/QĐ-BNNMT ngày 13/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Kế hoạch thí điểm truy xuất nguồn gốc quả sầu riêng;
- Quyết định số 2815/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên triển khai ngay;
- Quyết định số 25/QĐ-BNNMT ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Ban hành Kế hoạch triển khai truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản;
- Văn bản số 3466/BNNMT-KHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc triển khai truy xuất nguồn gốc nông sản;
- Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 12/01/2026 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc, giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai truy xuất nguồn gốc nông sản tỉnh Gia Lai, nội dung cụ thể như sau:

II. MỤC TIÊU, PHẠM VI

1. Mục tiêu chung

Tăng cường các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến các tài liệu hướng dẫn truy xuất nguồn gốc (TXNG) sản phẩm, hàng hóa nông, lâm, thủy

sản và vật tư nông nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là TXNG nông sản) và triển khai Hệ thống TXNG nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phù hợp với thực tiễn của tỉnh. Nâng cao nhận thức toàn xã hội, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết, tính hiệu quả việc TXNG; đảm bảo hàng hóa nông sản của tỉnh đạt yêu cầu chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, môi trường và chủ động hội nhập quốc tế, mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản chủ lực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến hết năm 2026

- Đến hết năm 2026, cơ bản hoàn thành việc áp dụng TXNG đối với quả sầu riêng trên địa bàn tỉnh. Tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu đến các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân về lợi ích, tầm quan trọng của TXNG nông sản gắn với an toàn thực phẩm.

- Lập danh mục các mặt hàng nông sản trên địa bàn tỉnh cần thực hiện TXNG, ưu tiên các mặt hàng nông sản là thực phẩm, các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh.

b) Giai đoạn 2027 – 2030

- Căn cứ danh mục nhóm sản phẩm, hàng hóa nông sản bắt buộc hoặc ưu tiên cần thực hiện TXNG do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành tiếp tục rà soát, lựa chọn mặt hàng nông sản của tỉnh triển khai áp dụng Hệ thống TXNG nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

- Thu thập thông tin, dữ liệu nông sản của tỉnh nhằm chuẩn hóa dữ liệu, thông tin trong hoạt động TXNG mặt hàng nông sản; triển khai các giải pháp số để phục vụ hoạt động TXNG nông sản. Kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu TXNG nông sản của tỉnh với Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cổng thông tin TXNG hàng hóa quốc gia.

- Thông tin, tuyên truyền, phổ biến các văn bản, tài liệu hướng dẫn về hoạt động TXNG nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan ban hành; vận dụng khai thác, triển khai phù hợp, hiệu quả với hoạt động TXNG nông sản của tỉnh.

- Vận động, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh nông sản trên địa bàn tỉnh tham gia triển khai, áp dụng Hệ thống TXNG nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Phạm vi

Việc triển khai hoạt động TXNG trong Kế hoạch này được áp dụng đối với sản phẩm nông sản thuộc phạm vi quản lý của Ngành Nông nghiệp và Môi trường, bao gồm các khâu từ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển đến tiêu thụ. Trong đó, ưu tiên áp dụng đối với sản phẩm: nông sản

là thực phẩm; nông sản chủ lực; nông sản xuất khẩu; nông sản tham gia chuỗi liên kết; nông sản có nguy cơ rủi ro cao cần kiểm soát về chất lượng, xuất xứ.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến và nâng cao nhận thức về TXNG nông sản

- Xây dựng chiến dịch truyền thông đa phương tiện: Tổ chức hội nghị, hội thảo, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện truyền thông, website các cơ quan quản lý và cổng thông tin điện tử các xã, phường,... về hoạt động TXNG nông sản của Trung ương, của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và lợi ích của việc áp dụng TXNG nông sản, công khai, minh bạch thông tin, nguồn gốc sản phẩm nông sản của tỉnh.

- Tuyên truyền, phổ biến các quy định, văn bản, tài liệu hướng dẫn về TXNG nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; vận động, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh nông sản trên địa bàn tỉnh tham gia triển khai, áp dụng Hệ thống TXNG nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Lồng ghép thực hiện thông tin, tuyên truyền về TXNG nông sản trong các chương trình, nhiệm vụ về chuyển đổi số, đảm bảo chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản và phát triển nông nghiệp bền vững.

2. Chuẩn hóa dữ liệu, thông tin trong hoạt động TXNG mặt hàng nông sản của tỉnh lựa chọn triển khai, áp dụng Hệ thống TXNG nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- Rà soát, thống kê và lập danh mục các mặt hàng nông sản cần thực hiện truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh, đặc biệt ưu tiên các mặt hàng nông sản là thực phẩm, các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh (từ trồng trọt, chăn nuôi, lâm sản, thủy sản, thực phẩm chế biến từ nông sản).

- Căn cứ danh mục nhóm sản phẩm hàng hóa, nông sản bắt buộc hoặc ưu tiên thực hiện TXNG do Bộ Nông nghiệp ban hành; rà soát, lựa chọn các mặt hàng nông sản của tỉnh triển khai, áp dụng Hệ thống TXNG nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

- Tổ chức thu thập dữ liệu về các yếu tố đầu vào trong sản xuất: giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc BVTV, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y,...); thông tin về vùng sản xuất (diện tích, sản lượng, mã số vùng trồng,...); cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh nông sản; hiện trạng hạ tầng số triển khai TXNG nông sản trên địa bàn tỉnh để chuẩn hóa dữ liệu, thông tin triển khai TXNG đối với các mặt hàng nông sản của tỉnh được lựa chọn triển khai theo Hệ thống TXNG nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; đảm bảo cho việc kết nối, chia sẻ với hệ thống TXNG nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cổng thông tin TXNG hàng hóa quốc gia.

3. Chuẩn bị nguồn lực tổ chức, triển khai TXNG nông sản trên địa bàn tỉnh theo Hệ thống TXNG nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- Đến hết năm 2026, cơ bản hoàn thành việc áp dụng TXNG đối với quả sầu riêng của tỉnh theo hệ thống TXNG sầu riêng của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Cử đầu mỗi chuyên môn, kỹ thuật phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan để tiếp nhận hướng dẫn, kết nối, khai thác và vận hành Hệ thống TXNG nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu, xây dựng và triển khai các giải pháp số trong hoạt động TXNG mặt hàng nông sản lựa chọn triển khai trên địa bàn tỉnh. Vận động, khuyến khích các chủ thể tham gia TXNG nông sản (doanh nghiệp, cơ sở, hợp tác xã,... sản xuất, kinh doanh nông sản) trên địa bàn tỉnh đầu tư năng lực hạ tầng số đáp ứng yêu cầu về TXNG (nhân lực vận hành, thiết bị, phần mềm, internet,...).

- Tổ chức tập huấn, đào tạo, phổ biến đến các đối tượng liên quan về các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và hướng dẫn nghiệp vụ, công nghệ, giải pháp hỗ trợ triển khai hệ thống TXNG nông sản: xây dựng, cập nhật thông tin dữ liệu TXNG tại các khâu chính (vùng trồng – thu mua – sơ chế/đóng gói – vận chuyển – phân phối); sử dụng biểu mẫu, quy trình ghi chép, cập nhật, quản lý dữ liệu truy xuất; in ấn, phát hành, quản lý và sử dụng tem, mã dữ liệu truy xuất nguồn gốc đối với mặt hàng nông sản được lựa chọn triển khai trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá kết quả thực hiện TXNG nông sản trên địa bàn tỉnh; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện, rút kinh nghiệm và hoàn thiện quy trình TXNG nông sản trên địa bàn tỉnh.

4. Kết nối với Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia

Bảo đảm sẵn sàng điều kiện về dữ liệu, nhân lực, hạ tầng để triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; đảm bảo dữ liệu TXNG nông sản của tỉnh phải đầy đủ, chính xác, dễ kiểm tra, giám sát và đồng bộ theo lộ trình của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện TXNG nông sản theo quy định

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện TXNG, kiểm tra an toàn thực phẩm tại các vùng sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, trồng trọt, các cơ sở sơ chế, chế biến, bao gói thực phẩm nông sản tiêu thụ trong nước, xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện và các khó

khẩn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch; các đề xuất, kiến nghị (nếu có) định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu của UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng, thu thập dữ liệu nông sản đầu vào. Lập danh mục các mặt hàng nông sản của tỉnh cần thực hiện TXNG, đăng ký gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ bản hoàn thành việc áp dụng TXNG đối với quả sầu riêng của tỉnh theo hệ thống TXNG sầu riêng của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đến hết năm 2026.

- Căn cứ danh mục nhóm sản phẩm hàng hóa, nông sản bắt buộc hoặc ưu tiên thực hiện TXNG do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành; rà soát, lựa chọn các mặt hàng nông sản của tỉnh để triển khai theo Hệ thống TXNG nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, xây dựng và triển khai các giải pháp số trong hoạt động TXNG mặt hàng nông sản được lựa chọn triển khai trên địa bàn tỉnh, đảm bảo hoạt động TXNG nông sản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của tỉnh và hội nhập quốc tế.

- Cử đầu mối chuyên môn tiếp nhận hướng dẫn, kết nối, khai thác và vận hành Hệ thống TXNG nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; áp dụng triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến các quy định, văn bản, tài liệu hướng dẫn về TXNG nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các quy định liên quan trong quản lý, TXNG nông sản đến các doanh nghiệp, cơ sở, hợp tác xã, ... sản xuất, kinh doanh nông sản thuộc thẩm quyền và vận động, khuyến khích các chủ thể TXNG nông sản đầu tư năng lực hạ tầng số đáp ứng yêu cầu về thực hiện TXNG nông sản.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện TXNG, kiểm tra an toàn thực phẩm tại các vùng sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, trồng trọt, các cơ sở sơ chế, chế biến, bao gói thực phẩm nông sản tiêu thụ trong nước, xuất khẩu, nhập khẩu thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ TXNG nông sản của tỉnh được triển khai theo Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 12/01/2026 của UBND tỉnh thực hiện Đề án triển khai, áp dụng hệ thống TXNG giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong thực hiện nghiên cứu, xây dựng, triển khai các giải pháp số trong hoạt động TXNG mặt hàng nông sản được lựa chọn triển khai trên địa bàn tỉnh và tiếp nhận hướng dẫn, kết nối, khai thác, vận hành Hệ thống TXNG nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, áp dụng triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tập huấn, đào tạo, phổ biến các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và hướng dẫn nghiệp vụ, công nghệ, giải pháp hỗ trợ triển khai hệ thống TXNG nông sản, in ấn, phát hành, quản lý và sử dụng tem, mã dữ liệu TXNG mặt hàng nông sản được lựa chọn triển khai trên địa bàn tỉnh đến các đối tượng, cá nhân, tổ chức, địa phương liên quan.

- Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai kết nối với Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

3. Sở Công Thương, Sở Y tế

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về TXNG, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm tại các cơ sở, doanh nghiệp trong phạm vi phân cấp, phân quyền theo quy định.

- Thông tin, tuyên truyền, phổ biến các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch và các hoạt động TXNG đến các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý.

- Giao Sở Công Thương chỉ đạo tăng cường công tác xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm nông sản có truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh, mở rộng thị trường tiêu thụ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh.

4. Sở Tài chính

Trên cơ sở tổng hợp đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, giao Sở Tài chính rà soát, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Công an tỉnh

Phối hợp phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi gian lận thương mại, gian lận nguồn gốc xuất xứ, làm giả mã truy xuất hoặc thông tin truy xuất; đặc biệt các nhóm mặt hàng nông sản lưu thông trên địa bàn tỉnh.

6. UBND các xã, phường

- Chủ động rà soát, đánh giá hiện trạng, thu thập dữ liệu nông sản đầu vào trên địa bàn; xây dựng kế hoạch thực hiện thu thập thông tin, dữ liệu nông sản và thực hiện TXNG nông sản trên địa bàn quản lý.

- Phối hợp quản lý, giám sát và xử lý vi phạm trong hoạt động TXNG đối với các sản phẩm, hàng hóa nông sản trên địa bàn.

- Thông tin, tuyên truyền, phổ biến các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch, các hoạt động TXNG nông sản và vận động, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn quản lý tham gia áp dụng Hệ thống TXNG nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

7. Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai

Phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường tăng cường thông tin, tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch; về hoạt động TXNG nông sản của Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường; về các quy định, văn bản, tài liệu hướng dẫn TXNG nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; về lợi ích của việc áp dụng TXNG nông sản, công khai, minh bạch thông tin, nguồn gốc sản phẩm nông sản của tỉnh.

8. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản

- Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về TXNG nông sản; đầu tư hạ tầng kỹ thuật để áp dụng quy trình TXNG nông sản đầy đủ.

- Chủ động, tích cực tham gia, phối hợp vận hành và sử dụng Hệ thống TXNG nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin sản phẩm nông sản được TXNG; chấp hành việc kiểm tra, giám sát hoạt động TXNG tại cơ sở, đơn vị.

- Đề xuất, phản ánh với cơ quan có thẩm quyền những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện TXNG nông sản để được hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời.

(Chi tiết nhiệm vụ theo Phụ lục đính kèm)

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành thực hiện các nhiệm vụ được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Khuyến khích huy động nguồn lực xã hội hóa, lồng ghép với các chương trình, đề án, nhiệm vụ có liên quan.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước ngày 15/12** hàng năm. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế gửi ý kiến về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai truy xuất nguồn gốc nông sản tỉnh Gia Lai. Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. /

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, KH&CN, Công Thương, Y tế, Tài chính;
- Công an tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, N3, P.NNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đương Mah Tiệp